TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2026/DS - ST
Ngày 27/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Thế Tài**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Dương**
Ông **Huỳnh Bá Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1006/2026/QĐST-DS ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm: 1970. CCCD số: 048170005062 cấp ngày 09/8/2021. HKTT: Tổ 02 T, quận S (nay là phường S), TP Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: đường B, phường L, TP Đà Nẵng. Bà H ủy quyền cho bà **Võ Thị Minh L**, sinh năm: 1962. Địa chỉ: đường B, phường L, TP Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 10/01/2026). *Có mặt.*

***- Bị đơn*:** Ông **Ao Công P**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: đường Đ, phường S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Võ Thị Minh L trình bày:*

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2021 ông Ao Công P có viết giấy mượn tiền bà Nguyễn Thị Bích H số tiền là: 100.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Sau đó vào ngày

08 tháng 3 năm 2022 ông Ao Công P lại viết giấy mượn thêm 100.000.000 đồng. Tổng 2 lần mượn là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

Ông Ao Công P có hẹn sau 3 tháng ông trả tiền sẽ trả lại vốn cho bà H. Quá thời hạn trả tiền nhưng không thấy ông P thanh toán, bà H đã điện thoại cho ông P rất nhiều lần nhưng ông không cầm máy, mãi đến ngày 25/8/2024 ông Ao Công P mới gọi điện lại cho bà H hứa đúng đến ngày 30/8/2024 ông P sẽ trả dứt điểm hết 200.000.000 đồng mà ông đã vay của bà H.

Đến ngày 30/8/2024 bà H chờ mãi không thấy ông Ao Công P đến trả nợ, mặc dù đã cố gắng đợi, cho thêm thời gian để ông P trả nợ nhưng đều vô vọng.

Vì vậy để bảo vệ quyền lợi của mình bà H yêu cầu: Buộc ông Ao Công P phải trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 27/5/2026 (634 ngày) là: 200.000.000 đồng x 10%: 365 x 634 ngày = 34.739.726 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 234.739.726 đồng *(Bằng chữ: Hai ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng chẵn).* Yêu cầu ông Ao Công P phải trả dứt điểm số tiền đã mượn.

* Bị đơn ông Ao Công P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông P vẫn vắng mặt nên không có lời khai của ông Ao Công P trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện các quyền của mình. Bị đơn ông Ao Công P đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: căn cứ Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Ao Công P. Buộc ông Ao Công P phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền là 234.739.726 đồng. Bao gồm: Gốc: 200.000.000 đồng; Lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/9/2024 đến 27/5/2026: 34.739.726 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Ao Công P cư trú tại phường S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025.

- Ông Ao Công P (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 30/10/2021 ông Ao Công P có viết giấy mượn tiền bà Nguyễn Thị Bích H số tiền là: 100.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Sau đó vào ngày 08/3/2022 ông Ao Công P lại viết giấy mượn thêm 100.000.000 đồng. Tổng 2 lần mượn là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Ông Ao Công P có hẹn sau 3 tháng ông trả tiền sẽ trả lại vốn cho bà H. Quá thời hạn trả tiền nhưng không thấy ông P thanh toán, bà H đã điện thoại cho ông P rất nhiều lần nhưng ông không cầm máy, đến ngày 25/8/2024 ông Ao Công P mới gọi điện lại cho bà H hứa đúng đến ngày 30/8/2024 ông P sẽ trả dứt điểm hết 200.000.000 đồng mà ông đã vay. Tuy nhiên ông Ao Công P vẫn không trả nợ như đã hẹn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Ao Công P có viết giấy vay tiền, không thoả thuận lãi suất, do vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Việc thỏa thuận cho vay trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.1]. Đối với khoản tiền gốc cho vay:

Bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án buộc ông Ao Công P thanh toán số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng. Đối với ông Ao Công P vắng mặt, không đưa ra ý kiến.

Xét thấy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, bà Nguyễn Thị Bích H đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay ông Ao Công P. Từ khi hết hạn cho vay ngày

30/8/2024 cho đến nay ông Ao Công P không thực hiện nghĩa vụ của bên vay trả lại khoản tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 275, 280, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.2]. Đối với khoản tiền lãi:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Ao Công P phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên tổng số tiền cho vay tính từ ngày đến hạn thanh toán ngày 01/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2026 là 634 ngày, mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 634 ngày = 34.739.726 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 634 ngày là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi này, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 34.739.726 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Ao Công P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 275, 280, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Ao Công P.

1. Xử: Buộc ông Ao Công P phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tính đến ngày 27/5/2026 là: 234.739.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng và tiền lãi: 34.739.726 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS - ST: 11.736.986 đồng *(Mười một triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng)* ông Ao Công P phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 5.616.438 đồng *(Năm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng)* theo biên lai thu số 0007826 ngày 29/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV2 - ĐN;
- Đương sự;
- Phòng THADS KV2-ĐN;
- Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 2
GQ0270526.TL.QDBA
1290

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Thế Tài